

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mã số thuế : 3500100424



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1-2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	4-5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	7
Thuyết minh báo cáo tài chính	8-27

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cổ phần Cao su Thống Nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

1. Công ty

Công ty cổ phần Cao su Thống Nhất (dưới đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000263 ngày 26 tháng 6 năm 2006 và thay đổi lần thứ hai ngày 30 tháng 12 năm 2013 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp, tên giao dịch quốc tế là Thong Nhat Rubber Joint Stock Company (TRC) và vốn điều lệ của công ty cổ phần là 192,5 tỷ VND.

Cổ phiếu của Công ty đã được chấp thuận niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là TNC.

Văn phòng chính của Công ty được đặt tại 256 đường 27/4, phường Phước Hưng, thị xã Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Trong năm tài chính này, hoạt động chủ yếu của Công ty là trồng mới, khai thác cao su; chế biến và kinh doanh các loại cao su và nông sản.

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc trong năm tài chính này và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Văn Lợi	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hữu Mạnh Nhường	Phó chủ tịch
Ông Đỗ Khắc Tùng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thoại	Thành viên
Ông Nguyễn Nhật Thành Lâm	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Trưởng ban
Bà Đoàn Thị Kim Hạnh	Thành viên
Ông Hà Phú Quý	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Lê Văn Lợi	Tổng Giám đốc
Ông Lê Như Sinh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Mạnh Nhường	Phó Tổng Giám đốc

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán BDO được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

5. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

6. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Thay mặt Hội đồng Quản trị

Ông LÊ VĂN LỢI

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

TP. Bà Rịa, ngày 22 tháng 3 năm 2016

7-0
TÀI
TÀI
TOÁN
O
CHI
HỒ

Số : TNRUB/014.HCM.15

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông**
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Giám đốc

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Cao su Thống Nhất ("Công ty"), được lập ngày 22 tháng 3 năm 2016 từ trang 4 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban giám đốc

Ban giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Cao su Thống Nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



NGUYỄN THỊ THANH
Phó Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán : 0185-2013-038-1



PHẠM THỊ VÂN
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán : 1830-2013-038-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN BDO – CHI NHÁNH TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		187.893.203.501	204.148.425.177
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	154.470.970.498	144.159.013.233
Tiền	111		44.122.382.428	33.943.506.384
Các khoản tương đương tiền	112		110.348.588.070	110.215.506.849
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4.2	10.000.000.000	10.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		10.000.000.000	10.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		6.446.727.639	8.650.980.811
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	9.204.761.576	10.853.448.772
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.387.533.200	30.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	2.157.357.638	2.670.215.388
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.5	(6.302.924.775)	(4.902.683.349)
Hàng tồn kho	140	4.6	16.970.989.667	27.796.557.392
Hàng tồn kho	141		19.461.216.197	29.252.873.808
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.490.226.530)	(1.456.316.416)
Tài sản ngắn hạn khác	150		4.515.697	13.541.873.741
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.14	4.515.697	13.541.873.741
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		133.186.178.569	128.456.517.333
Tài sản cố định	220		43.646.273.930	58.999.011.273
Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	43.362.940.597	58.659.011.273
Nguyên giá	222		97.766.785.336	119.813.303.767
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(54.403.844.739)	(61.154.292.494)
Tài sản cố định vô hình	227	4.8	283.333.333	340.000.000
Nguyên giá	228		340.000.000	340.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(56.666.667)	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		61.557.809.669	42.291.884.185
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	4.6	144.253.178	457.474.841
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.9	61.413.556.491	41.834.409.344
Đầu tư tài chính dài hạn	250		26.811.175.704	26.811.175.704
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	4.10	26.811.175.704	26.811.175.704
Tài sản dài hạn khác	260		1.170.919.266	354.446.171
Chi phí trả trước dài hạn	261	4.11	490.143.708	354.446.171
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	4.12	680.775.558	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		321.079.382.070	332.604.942.510

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		18.640.367.961	29.852.252.569
Nợ ngắn hạn	310		18.640.367.961	29.852.252.569
Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.13	1.320.230.406	2.348.150.876
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.670.000.000	1.551.690.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.14	1.620.300.359	981.198.728
Phải trả người lao động	314		5.755.085.123	6.574.982.694
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.15	3.454.281.563	14.405.535.519
Phải trả ngắn hạn khác	319	4.16	2.406.325.420	1.658.411.268
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		200.000.000	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.17	2.214.145.090	2.332.283.484
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	4.18	302.439.014.109	302.752.689.941
Vốn chủ sở hữu	410		302.439.014.109	302.752.689.941
Vốn góp của chủ sở hữu	411		192.500.000.000	192.500.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		88.326.440.768	86.277.191.739
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		21.612.573.341	23.975.498.202
- Lũy kế các năm trước	421a		8.720.090.768	6.474.140.090
- Năm hiện hành	421b		12.892.482.573	17.501.358.112
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		321.079.382.070	332.604.942.510






NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM
Người lập bảng

NGUYỄN HỮU MẠNH NHƯỜNG
Kế toán trưởng

LÊ VĂN LỢI
Tổng giám đốc
TP. Bà Rịa, ngày 22 tháng 3 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		83.401.333.327	63.873.191.649
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần	10	5.1	83.401.333.327	63.873.191.649
Giá vốn hàng bán	11	5.2	84.904.213.560	64.228.561.382
Lợi nhuận gộp	20		(1.502.880.233)	(355.369.733)
Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	6.024.993.020	12.076.986.563
Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		-	-
Chi phí bán hàng	24		43.382.680	121.035.024
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.4	10.719.286.782	7.862.544.045
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		(6.240.556.675)	3.738.037.761
Thu nhập khác	31	5.5	28.214.544.823	19.223.341.692
Chi phí khác	32	5.6	6.354.481.931	1.588.436.307
Lợi nhuận khác	40		21.860.062.892	17.634.905.385
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		15.619.506.217	21.372.943.146
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.7	3.407.799.202	2.822.495.667
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	5.7	(680.775.558)	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		12.892.482.573	18.550.447.479
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.8	670	964

Nguyễn Nhật Thành Lâm



Nguyễn Hữu Mạnh Nhường

Lê Văn Lợi

NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM
Người lập bảng

NGUYỄN HỮU MẠNH NHƯỜNG
Kế toán trưởng

LÊ VĂN LỢI
Tổng giám đốc
TP. Bà Rịa, ngày 22 tháng 3 năm 2016




CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

	Mã số	2015 VND	2014 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	15.619.506.217	21.372.943.146
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	5.460.161.244	6.922.882.094
Các khoản dự phòng	03	2.524.804.053	2.465.240.188
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(33.614.177.145)	(29.848.318.570)
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	(10.009.705.631)	912.746.858
(Tăng)/ giảm các khoản phải thu	09	889.511.746	14.618.636.226
Giảm hàng tồn kho	10	10.014.226.761	1.786.433.332
Tăng các khoản phải trả	11	2.385.217.209	159.126.206
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	(135.697.537)	125.255.838
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.887.493.269)	(3.437.268.017)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(3.176.357.000)	(6.500.824.374)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(3.920.297.721)	7.664.106.069
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ	21	(20.085.039.658)	(9.908.003.612)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	37.959.330.698	21.734.163.418
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.960.829.946	12.143.720.806
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	23.835.120.986	23.969.880.612
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(9.602.866.000)	(26.995.471.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(9.602.866.000)	(26.995.471.000)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	10.311.957.265	4.638.515.681
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60	144.159.013.233	139.520.497.552
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	154.470.970.498	144.159.013.233



NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM
Người lập bảng

NGUYỄN HỮU MẠNH NHƯỜNG
Kế toán trưởng

LÊ VĂN LỢI
Tổng giám đốc

TP. Bà Rịa, ngày 22 tháng 3 năm 2016

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Công ty cổ phần Cao su Thống Nhất (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được chuyển thể từ doanh nghiệp nhà nước - Công ty Cao su Thống Nhất - theo Quyết định số 22/2005/QĐ-TTg ngày 26 tháng 1 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới một số doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và theo Quyết định số 4993/QĐ.UBND ngày 23 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Ngày 26 tháng 6 năm 2006, Công ty Cao su Thống Nhất chính thức chuyển thành Công ty cổ phần Cao su Thống Nhất và hoạt động theo chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần số 3500100424 (số cũ là 4903000263) ngày 26 tháng 6 năm 2006 và thay đổi lần thứ hai ngày 30 tháng 12 năm 2013 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp, tên giao dịch quốc tế là Thong Nhat Rubber Joint Stock Company (TRC) và vốn điều lệ của công ty cổ phần là 192,5 tỷ VND.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là TNC.

Văn phòng chính của Công ty được đặt tại 256 đường 27/4, phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Các đơn vị trực thuộc của Công ty:

- Nông trường cao su Hòa Bình 2;
- Nông trường cao su Phong Phú;
- Nhà máy sơ chế cao su Phong Phú (sát nhập với Nông trường Cao Su Phong Phú từ 21 tháng 7 năm 2015);
- Nhà máy chế biến cao su và gỗ Bàu Non.
- Xí nghiệp chế biến nông sản Phước Hưng.

Trong năm tài chính này, hoạt động chủ yếu của Công ty là trồng mới, khai thác cao su; chế biến và kinh doanh các loại cao su và nông sản.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, số lượng công nhân viên của Công ty là 469 người (vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 562 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND"), được lập theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Các chính sách kế toán được Công ty áp dụng nhất quán và phù hợp với các chính sách kế toán đã được sử dụng trong những năm trước.

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phân ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối kỳ tài chính. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của kỳ hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau :

Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 20 năm
Máy móc thiết bị	5 - 12 năm
Phương tiện vận tải	5 - 7,5 năm
Dụng cụ quản lý	4 - 7 năm

3.5 Tài sản cố định vô hình

Phần mềm quản lý vườn cây được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao trong thời gian 6 năm.

3.6 Vườn cây cao su và Xây dựng cơ bản dở dang

Vườn cây cao su

Vườn cây cao su trong giai đoạn đầu tư được ghi nhận như chi phí xây dựng cơ bản dở dang và không trích khấu hao cho đến khi vườn cây cao su được đưa vào khai thác.

Giá gốc của vườn cây cao su khi đưa vào khai thác được xác định bằng diện tích khai thác nhân với suất đầu tư. Khi thanh lý vườn cây cao su, phần chênh lệch giữa giá trị thu hồi và giá trị còn lại của vườn cây cao su được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Khấu hao của vườn cây cao su được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời gian khai thác ước tính từ 15 đến 20 năm.

Xây dựng cơ bản dở dang (“XDCB”) khác

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác là chi phí xây dựng các công trình chưa hoàn thành, mua sắm máy móc thiết bị chưa nghiệm thu và không trích khấu hao trong suốt giai đoạn đầu tư xây dựng dở dang.

3.7 Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chủ yếu bao gồm chi phí vật tư, công cụ dụng cụ. Các chi phí này được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong khoảng thời gian trả trước hoặc khoảng thời gian tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này trong khoảng thời gian từ 1 đến 2 năm.

3.8 Các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư vào đơn vị khác mà chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên một năm.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ vốn góp của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

3.9 Các khoản phải trả và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo nguyên giá.

3.10 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận vào chi phí phát sinh nhưng thực tế chưa chi trả trong kỳ này và phải được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

3.11 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận vào chi phí phát sinh nhưng thực tế chưa chi trả trong kỳ này và phải được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

3.12 Quỹ tiền lương

Tiền lương được tính và ghi nhận vào chi phí trong năm tài chính này căn cứ theo Quyết định giao đơn giá tiền lương năm 2015 của Hội đồng Quản trị Công ty.

3.13 Dự phòng phải trả ngắn hạn

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó.

3.14 Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trong yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

3.15 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế có liên quan sẽ được thực hiện.

3.16 Các bên có liên quan

Các bên được xem là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động, các bên cũng được xem là liên quan nếu cùng được kiểm soát hoặc cùng chịu ảnh hưởng đáng kể của một bên thứ ba.

Các công ty/ cá nhân sau đây được xem là các bên có liên quan :

Công ty/ cá nhân	Địa điểm	Quan hệ
Công ty TNHH Hưng Nhơn	Bà Rịa, Việt Nam	Cổ đông
Bà Châu Thị Hồng Điệp	Bà Rịa, Việt Nam	Cổ đông
Công ty TNHH Lê Danh	Bà Rịa, Việt Nam	Bên liên quan
Công ty TNHH Phân bón Hữu cơ Bách Tùng	Bà Rịa, Việt Nam	Bên liên quan
Ông Nguyễn Văn Thoại	Bà Rịa, Việt Nam	Thành viên Hội đồng Quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	968.651.816	2.188.772.225
Tiền gửi ngân hàng – VND	43.097.337.546	31.701.046.200
Tiền gửi ngân hàng – USD	56.393.066	53.687.959
Các khoản tương đương tiền – VND	110.348.588.070	110.215.506.849
	<u>154.470.970.498</u>	<u>144.159.013.233</u>

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ là 2.513,06 USD tương đương với 56.393.066 VND (31 tháng 12 năm 2014 : 2.511,13 USD tương đương với 53.687.959 VND).

Khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng bằng VND tại các ngân hàng với lãi suất hiện tại là 4,90%/năm.

4.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 6 tháng - VND	<u>10.000.000.000</u>	<u>10.000.000.000</u>

4.3 Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Bên thứ ba	9.172.463.786	10.797.410.482
Bên liên quan (thuyết minh 8.1)	32.297.790	56.038.290
	<u>9.204.761.576</u>	<u>10.853.448.772</u>

4.4 Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Lãi dự thu	658.000.000	596.500.000
Ứng trước thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	298.500.000	274.500.000
Bảo hiểm xã hội nộp thừa	58.919.328	241.222.148
Tạm ứng nhân viên	42.300.000	141.139.933
Ký quỹ thuê xe	155.000.000	485.000.000
Phải thu khác	944.638.310	931.853.307
	<u>2.157.357.638</u>	<u>2.670.215.388</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

4.5 Nợ quá hạn và Dự phòng phải thu khó đòi

	31/12/2015		31/12/2014	
	Số dư nợ quá hạn VND	Đã lập dự phòng VND	Số dư nợ quá hạn VND	Đã lập dự phòng VND
Phải thu khách hàng	5.985.104.775	5.985.104.775	4.384.863.349	4.384.863.349
Phải thu khác	317.820.000	317.820.000	517.820.000	517.820.000
	6.302.924.775	6.302.924.775	4.902.683.349	4.902.683.349

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, trong số dư nợ quá hạn bao gồm 4.537.000.000 VND là khoản phải thu từ Doanh nghiệp tư nhân Phát Hưng phát sinh từ năm 2006 và 1.765.924.775 VND là khoản nợ khó đòi từ các khách hàng của Nhà máy chế biến thức ăn gia súc Hưng Long.

Tình hình tăng giảm dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	2015 VND	2014 VND
Số dư đầu năm	4.902.683.349	4.937.000.000
Trích lập/(hoàn nhập) trong năm	1.400.241.426	(34.316.651)
Số dư cuối năm	6.302.924.775	4.902.683.349

4.6 Hàng tồn kho

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Ngắn hạn		
Nguyên vật liệu	1.067.897.179	1.752.328.701
Công cụ dụng cụ	682.475.406	639.438.773
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	209.340.000	-
Thành phẩm	17.479.673.612	26.858.876.334
Hàng hóa	21.830.000	2.230.000
Cộng giá gốc hàng tồn kho	19.461.216.197	29.252.873.808
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.490.226.530)	(1.456.316.416)
	16.970.989.667	27.796.557.392
Dài hạn		
Vườn ươm cây cao su tại Nông trường Hòa Bình 2		
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	144.253.178	457.474.841

Tình hình trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2015 VND	2014 VND
Số dư đầu năm	1.456.316.416	-
Trích lập dự phòng trong năm	1.124.562.627	2.499.556.839
Xử lý hủy hàng	(90.652.513)	(1.043.240.423)
Số dư cuối năm	2.490.226.530	1.456.316.416

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, giá trị tồn kho chậm luân chuyển của nguyên vật liệu là 345.366.486 VND và đã được lập dự phòng giảm giá.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

4.7 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Dụng cụ quản lý VND	Vườn cây cao su VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Số dư 01/01/2015	39.647.353.784	21.047.141.479	3.653.103.507	1.092.022.320	54.373.682.677	119.813.303.767
Tăng từ XDCB	-	406.165.237	67.000.001	-	-	473.165.238
Mua sắm	-	32.727.273	-	-	-	32.727.273
Thanh lý	-	(4.869.298.695)	-	-	(17.683.112.247)	(22.552.410.942)
Số dư 31/12/2015	39.647.353.784	16.616.735.294	3.720.103.508	1.092.022.320	36.690.570.430	97.766.785.336
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư 01/01/2015	28.256.955.000	13.092.412.640	3.524.908.123	1.046.859.516	15.233.157.215	61.154.292.494
Khấu hao	2.259.013.605	1.395.310.330	88.421.707	29.402.728	1.662.331.318	5.434.479.688
Thanh lý	-	(2.711.930.395)	-	-	(9.472.997.048)	(12.184.927.443)
Số dư 31/12/2015	30.515.968.605	11.775.792.575	3.613.329.830	1.076.262.244	7.422.491.485	54.403.844.739
Giá trị còn lại						
Ngày 01/01/2015	11.390.398.784	7.954.728.839	128.195.384	45.162.804	39.140.525.462	58.659.011.273
Ngày 31/12/2015	9.131.385.179	4.840.942.719	106.773.678	15.760.076	29.268.078.945	43.362.940.597

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 26.377.361.524 VND (31 tháng 12 năm 2014 là 23.195.981.581 VND).

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, giá trị còn lại của tài sản cố định chờ thanh lý tại Nhà máy thức ăn gia súc Hưng Long là 65.785.665 VND.

Trong tài sản cố định hữu hình bao gồm nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại của tài sản cố định được hình thành từ quỹ phúc lợi lần lượt là 309.851.108 VND, 302.730.039 VND và 7.121.069 VND.

Trong năm, Công ty đã tiến hành thanh lý vườn cây cao su để trồng mới tại Nông trường cao su Hòa Bình 2 và Nông trường cao su Phong Phú, chi tiết như sau :

Nông trường	Số lượng cây	Nguyên giá VND	Giá trị hao mòn lũy kế VND	Giá trị còn lại VND
- Phong Phú	736	89.812.680	16.443.052	73.369.628
- Hòa Bình 2	111.787	17.593.299.567	9.456.553.996	8.136.745.571
	112.523	17.683.112.247	9.472.997.048	8.210.115.199

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

4.8 Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính VND
Nguyên giá	
Vào ngày 01/01/2015	340.000.000
Vào ngày 31/12/2015	340.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Vào ngày 01/01/2015	-
Khấu hao trong năm	56.666.667
Vào ngày 31/12/2015	56.666.667
Giá trị còn lại	
Vào ngày 01/01/2015	340.000.000
Vào ngày 31/12/2015	283.333.333

4.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01/01/2015	Tăng	Kết chuyển TSCĐ	31/12/2015
	VND	VND	VND	VND
Vườn cây cao su tại Nông trường Hòa Bình 2	32.448.211.498	18.142.632.471	-	50.590.843.969
Vườn cây cao su tại Nông trường Phong Phú	9.328.288.755	1.494.423.767	-	10.822.712.522
Chi phí XDCB khác	57.909.091	415.256.147	(473.165.238)	-
	41.834.409.344	20.052.312.385	(473.165.238)	61.413.556.491

4.10 Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Góp vốn vào Công ty Baria Serece	26.811.175.704	26.811.175.704

Khoản vốn góp trong Công ty cổ phần dịch vụ xuất nhập khẩu nông lâm sản và phân bón Baria Serece là 1.796.000 USD tương đương với 26.811.175.704 VND theo tỷ giá tại thời điểm góp vốn, chiếm tỷ lệ 12% vốn điều lệ của Công ty này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

4.11 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	132.736.207	354.446.171
Hệ thống xử lý nước thải	357.407.501	-
	<u>490.143.708</u>	<u>354.446.171</u>

Tình hình tăng giảm chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau :

	2015 VND	2014 VND
Số dư đầu năm	354.446.171	479.702.009
Tăng trong năm	481.236.727	353.718.180
Phân bổ trong năm	(345.539.190)	(478.974.018)
Số dư cuối năm	<u>490.143.708</u>	<u>354.446.171</u>

4.12 Thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ chênh lệch tạm thời được khấu trừ:		
- Dự phòng phải trả ngắn hạn	40.000.000	-
- Chi phí trích trước	320.727.273	-
- Dự phòng phải thu khó đòi	320.048.285	-
	<u>680.775.558</u>	<u>-</u>

Theo luật thuế TNDN sửa đổi bổ sung số 32/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế TNDN được giảm từ 22% xuống 20% kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2016, vì vậy tài sản thuế thu nhập hoãn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 được ghi nhận theo thuế suất 20%.

Tình hình biến động của thuế thu nhập hoãn lại trong năm như sau :

	2015 VND	2014 VND
Số dư đầu năm	-	-
Ghi nhận vào Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	680.775.558	-
Số dư cuối năm	<u>680.775.558</u>	<u>-</u>

4.13 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Bên thứ ba	1.320.230.406	2.348.150.876
	<u>1.320.230.406</u>	<u>2.348.150.876</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

4.14 Thuế và các khoản phải nộp/ (phải thu) Nhà nước

	Vào ngày 01/01/2015 phải nộp/(phải thu) VND	Phải nộp trong năm (* VND	Đã nộp trong năm (* VND	Vào ngày 31/12/2015 phải nộp/(phải thu) VND
Thuế giá trị gia tăng	284.503.737	2.602.100.345	(2.246.483.930)	640.120.152
Thuế thu nhập doanh nghiệp	689.223.486	3.923.753.890	(3.887.493.269)	725.484.107
Thuế thu nhập cá nhân	6.665.705	385.221.383	(396.402.785)	(4.515.697)
Thuế tài nguyên	805.800	5.863.120	(5.870.520)	798.400
Thuế thuê đất (**)	(13.541.873.741)	18.857.056.592	(5.061.285.151)	253.897.700
Thuế môn bài	-	9.000.000	(9.000.000)	-
Phí bảo vệ môi trường	-	5.363.080	(5.363.080)	-
Phạt chậm nộp thuế	-	344.410.521	(344.410.521)	-
Tổng cộng	(12.560.675.013)	26.132.768.931	(11.956.309.256)	1.615.784.662
Trong đó:				
Phải trả	981.198.728			1.620.300.359
Phải thu	(13.541.873.741)			(4.515.697)

(*) Trong đó bao gồm các khoản truy thu thuế, phạt chậm nộp và phạt hành chính phải nộp và đã nộp theo Biên bản thanh tra thuế cho giai đoạn từ năm 2010 đến 2013 của Cục thuế tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ngày 4 tháng 9 năm 2015, chi tiết như sau :

	VND
<i>Truy thu thuế</i>	
Thuế giá trị gia tăng đầu vào không được khấu trừ	98.219.597
Thuế thu nhập doanh nghiệp do tính lại thu nhập được hưởng ưu đãi theo địa bàn kinh tế xã hội khó khăn (đề cập tại thuyết minh 4.18)	515.954.688
Thuế thu nhập doanh nghiệp (đề cập tại thuyết minh 5.7)	21.548.658
<i>Tiền phạt chậm nộp và phạt hành chính</i>	339.703.546
	975.426.489

(**) Tiền thuê đất

Số dư cuối năm trước (ngày 31/12/2014) : 13.541.873.741 VND là tiền thuê đất tạm nộp từ năm 2009 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 đối với 2.082 ha đất nông nghiệp.

	VND
Tiền thuê đất phải nộp trong năm 2015 bao gồm :	
- Phải nộp năm 2015	5.315.182.851
- Ghi nhận phải nộp từ năm 2009 đến năm 2014 (kết chuyển từ chi phí thuê đất ghi nhận tại chi phí phải trả, thuyết minh 4.15)	13.541.873.741
	18.857.056.592

4.15 Chi phí phải trả

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Chi phí ăn giữa ca	107.100.500	143.689.000
Chi phí đo đạc lập bản đồ	1.603.636.364	-
Chi phí thuê đất	1.597.544.699	14.206.846.519
Chi phí khác	146.000.000	55.000.000
	3.454.281.563	14.405.535.519

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

4.16 Phải trả khác

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Cổ tức phải trả	1.126.310.268	1.104.176.268
Nhà thầu xây dựng ký quỹ bảo lãnh, bảo hành	232.588.250	282.241.300
Phải trả khác – bên thứ ba (*)	951.426.902	271.993.700
Phải trả khác – bên liên quan	96.000.000	-
	2.406.325.420	1.658.411.268

(*) Trong đó bao gồm 247.426.902 VND là công nợ thâm canh cà phê nhận bàn giao từ Công ty Cà phê Đồng Nai vào ngày 27 tháng 4 năm 1994 phải trả cho Tổng công ty Cà phê Việt Nam.

4.17 Quỹ khen thưởng phúc lợi

	2015	2014
	VND	VND
Số dư đầu năm	2.332.283.484	3.541.219.287
Trích lập quỹ từ phân phối lợi nhuận	2.665.203.717	4.721.800.308
Sử dụng quỹ trong năm	(2.752.357.000)	(5.899.751.000)
Khấu hao tài sản cố định từ quỹ phúc lợi	(30.985.111)	(30.985.111)
Số dư cuối năm	2.214.145.090	2.332.283.484

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

4.18 Vốn chủ sở hữu ("CSH")

a) Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu và các quỹ

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Công VND
Năm 2014				
Số dư 01/01/2014	192.500.000.000	77.774.987.439	45.942.133.235	316.217.120.674
Lợi nhuận trong năm (*)	-	-	18.550.447.479	18.550.447.479
Tặng khác	-	-	286.495.470	286.495.470
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	7.453.114.933	(7.453.114.933)	-
Trích thêm quỹ đầu tư phát triển (**)	-	1.049.089.367	(1.049.089.367)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(4.721.800.308)	(4.721.800.308)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	(629.573.374)	(629.573.374)
Chia cổ tức	-	-	(26.950.000.000)	(26.950.000.000)
Số dư 31/12/2014	192.500.000.000	86.277.191.739	23.975.498.202	302.752.689.941
Năm 2015				
Số dư 01/01/2015	192.500.000.000	86.277.191.739	23.975.498.202	302.752.689.941
Lợi nhuận trong năm	-	-	12.892.482.573	12.892.482.573
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	2.565.203.717	(2.565.203.717)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(2.665.203.717)	(2.665.203.717)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	(400.000.000)	(400.000.000)
Chia cổ tức	-	-	(9.625.000.000)	(9.625.000.000)
Giảm khác (**)	-	(515.954.688)	-	(515.954.688)
Số dư 31/12/2015	192.500.000.000	88.326.440.768	21.612.573.341	302.439.014.109

Trong năm 2015, các quỹ Đầu tư phát triển, Khen thưởng phúc lợi và thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 vào ngày 4 tháng 5 năm 2015.

(*) Khoản lợi nhuận trong năm 2014 có điều chỉnh hồi tố và tăng thêm là 1.049.089.367 VND, do được tiếp tục hưởng ưu đãi (giảm thuế thu nhập doanh nghiệp) đối với hoạt động sản xuất tại địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn (huyện Châu Đức và huyện Xuyên Mộc) và khoản lợi nhuận do ưu đãi về giảm thuế này được dùng trích lập quỹ đầu tư phát triển;

(**) Đồng thời, theo biên bản thanh tra thuế từ năm 2010 đến năm 2013, Công ty phải nộp thêm thuế thu nhập doanh nghiệp là 515.954.688 VND do tính lại thu nhập được hưởng ưu đãi theo địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn; và khoản thuế phải nộp thêm này được bù đắp từ quỹ đầu tư phát triển do khoản tăng lợi nhuận từ ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp trong các năm này đã dùng để trích lập quỹ đầu tư phát triển.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

4.18 Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

b) Lợi nhuận chưa phân phối và phân phối cổ tức

	Lũy kế các năm trước VND	Năm hiện hành VND	Cộng VND
Năm 2014			
Số dư 01/01/2014	45.942.133.235	-	45.942.133.235
Lợi nhuận trong năm (*)	-	18.550.447.479	18.550.447.479
Tặng khác	286.495.470	-	286.495.470
Trích quỹ đầu tư phát triển	(7.453.114.933)	-	(7.453.114.933)
Trích thêm quỹ đầu tư phát triển	-	(1.049.089.367)	(1.049.089.367)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(4.721.800.308)	-	(4.721.800.308)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	(629.573.374)	-	(629.573.374)
Chia cổ tức	(26.950.000.000)	-	(26.950.000.000)
Số dư 31/12/2014	6.474.140.090	17.501.358.112	23.975.498.202
Năm 2015			
Số dư 01/01/2015	23.975.498.202	-	23.975.498.202
Lợi nhuận trong năm	-	12.892.482.573	12.892.482.573
Trích quỹ đầu tư phát triển	(2.565.203.717)	-	(2.565.203.717)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(2.665.203.717)	-	(2.665.203.717)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	(400.000.000)	-	(400.000.000)
Chia cổ tức	(9.625.000.000)	-	(9.625.000.000)
Số dư 31/12/2015	8.720.090.768	12.892.482.573	21.612.573.341

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 vào ngày 4 tháng 5 năm 2015, cổ tức năm 2014 được chia theo tỷ lệ 5% (2013: 14%).

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	2015 VND	2014 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	192.500.000.000	192.500.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	192.500.000.000	192.500.000.000

d) Cổ phiếu

Cổ phiếu phổ thông

	31/12/2015	31/12/2014
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	19.250.000	19.250.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	19.250.000	19.250.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.250.000	19.250.000
Mệnh giá cổ phiếu	10.000 VND/CP	10.000 VND/CP

Cổ phiếu ưu đãi : không có

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Doanh thu

	2015 VND	2014 VND
Doanh thu		
Doanh thu bán mũ cao su	48.039.869.300	47.350.914.136
Doanh thu bán nhân điều, điều thô	22.685.770.206	-
Doanh thu bán thức ăn gia súc	82.921.429	2.669.461.013
Doanh thu khác (chủ yếu là gia công nhân điều)	12.592.772.392	13.852.816.500
	83.401.333.327	63.873.191.649
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	83.401.333.327	63.873.191.649

5.2 Giá vốn hàng bán

Phân loại theo tính chất

	2015 VND	2014 VND
Giá vốn bán mũ cao su	50.132.645.393	47.831.535.093
Giá vốn bán nhân điều, điều thô	22.293.970.999	-
Giá vốn thức ăn gia súc	131.029.672	3.757.430.964
Giá vốn khác (chủ yếu là gia công nhân điều)	12.346.567.496	12.639.595.325
	84.904.213.560	64.228.561.382

Chi tiết giá vốn hàng bán theo yếu tố

	2015 VND	2014 VND
Chi phí nguyên vật liệu	29.868.462.376	7.020.237.509
Chi phí nhân công	25.372.691.750	29.236.654.185
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.909.547.411	6.218.595.788
Chi phí dụng cụ sản xuất	812.220.207	1.141.002.929
Chi phí gia công	7.856.524.041	7.271.500.059
Chi phí khác	5.786.724.426	8.975.930.255
Chênh lệch sản phẩm dở dang đầu kỳ và cuối kỳ	(209.340.000)	(315.873.035)
Chênh lệch thành phẩm đầu kỳ và cuối kỳ	9.382.820.722	2.180.956.853
Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.124.562.627	2.499.556.839
	84.904.213.560	64.228.561.382

5.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	2015 VND	2014 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	6.022.329.946	7.584.885.545
Cổ tức được chia	-	4.491.335.261
Lãi do chênh lệch tỷ giá	2.663.074	765.757
	6.024.993.020	12.076.986.563

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỒNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

5.4 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2015 VND	2014 VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.265.759.292	3.875.048.237
Vật liệu, dụng cụ thiết bị văn phòng	33.344.878	108.991.648
Chi phí khấu hao tài sản cố định	265.394.566	238.569.455
Thuế, phí và lệ phí	15.588.921	11.794.115
Chi phí đo đạc	1.603.636.364	-
Chi trợ cấp thôi việc	1.024.991.750	1.374.285.500
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu khó đòi	1.400.241.426	(34.316.651)
Chi phí khác	2.110.329.585	2.288.171.741
	10.719.286.782	7.862.544.045

5.5 Thu nhập khác

	2015 VND	2014 VND
Thu thanh lý cây cao su	36.630.176.000	21.921.343.600
Thu thanh lý tài sản cố định	1.632.894.709	42.000.000
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	(10.367.483.499)	(3.962.065.654)
Chi phí thanh lý tài sản	(303.740.011)	(229.180.182)
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	27.591.847.199	17.772.097.764
Thu khác	622.697.624	1.451.243.928
	28.214.544.823	19.223.341.692

5.6 Chi phí khác

	2015 VND	2014 VND
Chi phí khấu hao tài sản cố định ngưng sử dụng	285.219.267	465.716.851
Chi phí lãi chậm nộp tiền thu cổ phần hóa cho SCIC (năm 2006)	4.119.908.968	-
Chi phí lãi chậm nộp tiền cổ tức cho SCIC (của năm 2007 và 2008)	763.187.906	-
Phạt chậm nộp thuế	447.289.616	-
Chi phí khác	738.876.174	1.122.719.456
	6.354.481.931	1.588.436.307

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

5.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")

	2015 VND	2014 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.407.799.202	2.822.495.667
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại (thuyết minh 4.12)	(680.775.558)	-
	<u>2.727.023.644</u>	<u>2.822.495.667</u>

Chi phí thuế TNDN hiện hành

	2015 VND	2014 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	15.619.506.217	21.372.943.146
Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế khi xác định thu nhập chịu thuế:		
Chi phí không được khấu trừ	5.445.256.607	716.505.906
Thu nhập không chịu thuế (cổ tức được nhận)		(4.491.335.261)
Chênh lệch tạm thời		
- Chi phí trả trước	1.603.636.364	-
- Dự phòng phải trả	200.000.000	-
- Dự phòng phải thu khó đòi	1.600.241.426	-
Lợi nhuận tính thuế	<u>24.468.640.614</u>	<u>17.598.113.791</u>
Chi phí thuế TNDN theo thuế suất ưu đãi (22%x50%)	1.996.850.391	1.049.089.367
Chi phí thuế TNDN theo thuế suất phổ thông (22%)	1.389.400.153	1.773.406.300
Nộp bổ sung thuế TNDN từ các năm 2010-2013	21.548.658	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>3.407.799.202</u>	<u>2.822.495.667</u>

5.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2015	2014
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	12.892.482.573	18.550.447.479
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	19.250.000 CP	19.250.000 CP
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>670 VND/CP</u>	<u>964 VND/CP</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

6. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh bao gồm: cao su, nông sản, thực ăn gia súc, gỗ

Kết quả kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 Đơn vị tính : triệu VND

	Cao su		Nông sản		Thực ăn gia súc		Gỗ	
	2015	2014	2015	2014	2015	2014	2015	2014
Doanh thu bán cho bên ngoài	48.123	47.351	35.279	13.853	-	2.669	83.402	63.873
Giá vốn	(50.264)	(47.832)	(34.641)	(12.640)	-	(3.757)	(84.905)	(64.229)
Chi phí bán hàng	(43)	(29)	-	(15)	-	(77)	(43)	(121)
Lợi nhuận khác	22.519	18.355	-	(140)	(659)	(580)	21.860	17.635
Kết quả bộ phận	20.335	17.845	638	1.058	(659)	(1.745)	20.314	17.158
Chi phí không phân bổ							(10.719)	(7.863)
Doanh thu tài chính	19.772	9.908	-	-	-	-	6.024	12.077
Chi phí khấu hao	5.128	5.709	332	406	-	807	(2.727)	(2.822)
							12.892	18.550
Tài sản và nợ phải trả theo bộ phận vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014								Đơn vị tính : triệu VND
	Cao su		Nông sản		Thực ăn gia súc		Gỗ	
	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014
Tài sản bộ phận	317.686	323.573	3.394	3.983	-	5.049	321.080	332.605
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-
Cộng tài sản	317.686	323.573	3.394	3.983	-	5.049	321.080	332.605
Nợ phải trả bộ phận	17.906	29.248	734	831	-	822	18.640	30.901
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-
Cộng nợ phải trả	17.906	29.248	734	831	-	822	18.640	30.901

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý không được lập do Công ty hoạt động trong lãnh thổ Việt Nam.

7. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính :

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty.

Công ty có các tài sản tài chính như : các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

Đơn vị tính : Triệu VND

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	154.471	144.159	154.471	144.159
Đầu tư tài chính ngắn hạn	10.000	10.000	10.000	10.000
Phải thu khách hàng	3.220	5.951	3.220	5.951
Phải thu khác	1.541	2.044	1.541	2.044
	169.232	162.154	169.232	162.154
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	1.320	2.348	1.320	2.348
Các khoản phải trả khác	3.137	16.921	3.137	16.921
	4.457	19.269	4.457	19.269

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014. Tuy nhiên Ban Giám đốc ước tính giá trị hợp lý của những tài sản và nợ phải trả tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

Công ty có thể gặp phải các rủi ro thị trường và rủi ro tín dụng.

- Rủi ro thị trường : Rủi ro do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền gửi ngân hàng và khi lãi suất giảm làm thu nhập tài chính của Công ty giảm.
- Rủi ro tín dụng : Rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng giao dịch không thực hiện được các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng), tuy nhiên :

Phải thu khách hàng : Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được.

Tiền gửi ngân hàng : Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng có uy tín tại Việt Nam. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng đáng kể nào từ các tài khoản tiền gửi này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

8.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các giao dịch phát sinh chủ yếu với các bên có liên quan trong năm như sau :

Nội dung giao dịch	2015 VND	2014 VND
Công ty TNHH Hưng Nhơn Bán cây cao su thanh lý	240.030.000	363.000.000
Công ty TNHH Phân bón Hữu cơ Bách Tùng Mua nguyên liệu	450.120.000	-
Châu Thị Hồng Điệp Giá công mủ Mua mủ	36.931.650 518.347.500	31.897.950 -
Công ty TNHH Lê Danh Mua nhiên liệu	1.099.900.000	1.434.788.620
Nguyễn Văn Thoại Thuê xe	216.000.000	-

Vào ngày kết thúc năm tài chính, số dư các khoản phải thu/(phải trả) với các bên có liên quan như sau :

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Châu Thị Hồng Điệp Phải thu thương mại	32.297.790	56.038.290
Nguyễn Văn Thoại Phải trả khác	(96.000.000)	-

Thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc trong kỳ như sau :

	2015 VND	2014 VND
Lương, thưởng và phụ cấp	<u>1.802.036.351</u>	<u>1.694.260.786</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

8.2 Số liệu so sánh

Báo cáo tài chính kỳ hiện hành được trình bày theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ tài chính. Theo đó, một vài số liệu so sánh được sắp xếp lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính của năm hiện hành, chi tiết như sau :

Khoản mục	Số liệu trên		Điều chỉnh phân loại lại (giảm)/tăng VND	Số liệu so sánh trình bày lại (31/12/2014 hoặc 2014)	
	Mã số	VND		Mã số	VND
<u>Bảng cân đối kế toán</u>					
Hàng tồn kho	141	29.710.348.649	(457.474.841)	141	29.252.873.808
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	230	-	457.474.841	241	457.474.841
Tài sản ngắn hạn khác	158	626.139.933	(626.139.933)	155	-
Phải thu ngắn hạn khác	135	2.044.075.455	626.139.933	136	2.670.215.388
Vay và nợ ngắn hạn	311	247.426.902	(247.426.902)	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	1.410.984.366	247.426.902	319	1.658.411.268
Quỹ dự phòng tài chính	418	14.104.995.493	(14.104.995.493)	-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417	71.123.106.879	14.104.995.493	418	85.228.102.372
<u>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</u>					
Thu nhập khác	31	23.414.587.528	(4.191.245.836)	31	19.223.341.692
Chi phí khác	32	5.779.682.143	(4.191.245.836)	32	1.588.436.307

8.3 Điều chỉnh hồi tố

Việc điều chỉnh hồi tố liên quan đến việc điều chỉnh giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm 2014 là 1.049.089.367 VND như đã đề cập tại mục 4.18 của thuyết minh này, việc điều chỉnh này làm thay đổi số liệu so sánh như sau :

Khoản mục	31/12/2014 hoặc 2014 (sau khi phân loại, thuyết minh 8.2)		Điều chỉnh hồi tố (giảm)/tăng VND	31/12/2014 hoặc 2014 sau điều chỉnh hồi tố VND	
	Mã số	VND		Mã số	VND
<u>Bảng cân đối kế toán</u>					
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		2.030.288.095	(1.049.089.367)		981.198.728
Quỹ đầu tư phát triển		85.228.102.372	1.049.089.367		86.277.191.739
<u>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</u>					
Chi phí thuế TNDN hiện hành		3.871.585.034	(1.049.089.367)		2.822.495.667
Lợi nhuận sau thuế TNDN		17.501.358.112	1.049.089.367		18.550.447.479

8.4 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính.

(Handwritten signatures)



NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM
 Người lập bảng

NGUYỄN HỮU MẠNH NHƯỜNG
 Kế toán trưởng

LÊ VĂN LỢI
 Tổng Giám đốc

TP. Bà Rịa, ngày 22 tháng 3 năm 2016